

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯƠNG MỸ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 25-3-2021.  
“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Ngọc Quý**; ông **Nguyễn Hữu Trọng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đỗ Thị Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 583/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/3/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1976; Có mặt

**2. Bị đơn:** Anh **Lê Tuấn Đ**, sinh năm 1974; Vắng mặt.

Đều có HKTT và cư trú: Thôn C, xã NH, huyện C, Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị **Đỗ Thị H** trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh **Lê Tuấn Đ** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện C vào ngày 15/12/1999. Ban đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Khoảng sáu năm nay, vợ chồng chị bắt đầu mâu thuẫn do anh Đ chơi bời, không quan tâm đến vợ con và chị thường phải đi trả nợ thay cho anh Đ. Năm 2017 chị đã làm đơn xin ly hôn với anh Đ, nH mẹ đẻ chị khuyên chị nên chị đã rút đơn về, nH từ đó vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nữa, tuy sống trong

cùng một nhà nH cuộc sống tình cảm vợ chồng ly thân, kinh tế cũng riêng rẽ, không ai quan tâm tới ai, kể cả ngày lễ, tết vợ chồng cũng không tập chung ngồi lại được với nhau. Chị thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh Đ như vậy được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

*Về con chung:* Chị và anh Đ có hai con chung là: Lê Tú H, sinh ngày 11/11/2000; Lê Tuấn Th, sinh ngày 27/10/2004.

Cháu H đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Th hiện nay đã nghỉ học và đi làm ở quận H, thỉnh thoảng mới về. Chị có nguyện vọng nuôi cháu Th và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn – Anh Lê Tuấn Đ trình bày:** Anh và chị Đỗ Thị H tự nguyện kết hôn vào ngày 15/12/1999 tại UBND xã NH, huyện C, Hà Nội.

Khoảng vài năm nay vợ chồng anh không còn tình cảm nên chị H xin ly hôn với anh, anh nhất trí. Do anh bận đi làm, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

*Về con chung:* Anh và chị H có hai con chung là Lê Tú H, sinh ngày 11/11/2000; Lê Tuấn Th, sinh ngày 27/10/2004.

Cháu H đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Th hiện nay đã nghỉ học và đi làm ở quận H, thỉnh thoảng mới về. Cháu Th muốn ở với ai thì anh cũng nhất trí.

*Về tài sản chung, công nợ chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tòa án đã không thể ghi nhận ý kiến của cháu Th được, do cháu thường xuyên đi làm vắng nhà.

#### **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn – Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, đề nghị được nuôi cháu Th và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng

các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị H. Đề nghị giao cháu Th cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Đề nghị chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền: Chị Đỗ Thị H có đơn khởi kiện đối với anh Lê Tuấn Đ về việc xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con sau ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – anh Đ có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã NH, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của Bị đơn – Anh Lê Tuấn Đ: Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Đ, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt của anh Đ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Lê Tuấn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/1999 tại UBND xã NH, huyện C, Hà Nội, đã tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy chị H xin ly hôn với anh Đ vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thì thấy: Chị H và anh Đ tuy chung sống trong cùng một nhà nhưng tình cảm vợ chồng lại ly thân nhau, kinh tế cũng riêng rẽ, không ai quan tâm tới ai, từ năm 2017 đến nay. Anh Đ cũng xác nhận vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau từ nhiều năm nay và đồng ý ly hôn.

Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn với anh Đ.

[2.2] Về con chung: Anh Đ và chị H có hai con chung là Lê Tú H, sinh ngày 11/11/2000; Lê Tuấn Th, sinh ngày 27/10/2004.

Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Th; anh Đ có quan điểm cháu Th muốn ở với bố hoặc mẹ anh cũng chấp nhận. Tòa án không ghi nhận được nguyện vọng của cháu Th. Xét thấy nguyện vọng của chị H và anh Đ về con chung hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ con chung sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử giao cháu Th cho chị H nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[2.3].Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ cho đến khi có yêu cầu khác.

[2.4].Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Lê Tuấn Đ.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Lê Tuấn Đ có hai con chung là Lê Tú H, sinh ngày 11/11/2000; Lê Tuấn Th, sinh ngày 27/10/2004.

Lê Tú H đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên Tòa án không giải quyết.

Giao cháu Lê Tuấn Th cho chị Đỗ Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Lê Tuấn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung :Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ cho đến khi có yêu cầu khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2018/0010395 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 18/12/2020.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã NH (Số44/1999);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**